

PHƯƠNG ÁN MỨC THU CHI HÈ THÁNG 6-8/2025

I. Nguyên tắc chung:

1. Thực hiện thu đủ bù chi không mang tính chất kinh doanh, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; phải được sự thoả thuận của toàn thể cha mẹ học sinh bằng văn bản trên tinh thần tự nguyện, có sự thống nhất của Hội đồng trường. Mức thu áp dụng cho số lớp, số học sinh tại thời điểm hiện tại, khi có thay đổi lớn về số lớp, số học sinh sẽ có phương án điều chỉnh để thống nhất với phụ huynh học sinh cho phù hợp.
2. Đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch theo quy định đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
3. Hạch toán riêng từng khoản thu trên hệ thống sổ sách kế toán và được tổng hợp báo cáo quyết toán thu chi hằng năm,. Cuối năm học Quyết toán với BD DCMHS.
4. Mọi chi tiêu phải đảm bảo đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp. không điều chuyển từ khoản thu này sang khoản thu khác. Các nội dung, mức chi không được vượt mức đã thoả thuận thống nhất với phụ huynh học sinh.

II. Căn cứ pháp lý để xây dựng phương án;

- Căn cứ Nghị Quyết số: 07/2021/NQ-HĐND Hải Dương, ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định mức thu học phí chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng tại các trường mầm non, giáo dục phổ thông và các cơ sở giáo dục đào tạo công lập tỉnh quản lý năm học 2021-2022;
- Căn cứ Nghị Quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định danh mục, mức thu các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các trường mầm non, giáo dục phổ thông và các cơ sở giáo dục đào tạo công lập khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm học 2024-2025
- Căn cứ Hướng dẫn số 2528/HDLN SGDĐT-STC về hướng dẫn thu, quản lý, sử dụng các khoản thu trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.
- Căn cứ công văn số 374/PGDĐT-GDMN về việc thực hiện một số nhiệm vụ trong hè và chuẩn bị cho năm học 2025-2026 của phòng giáo dục đào tạo thành phố Hải Dương;

III. PHƯƠNG ÁN THU-CHI

1, TIỀN PHỤ PHÍ

1.1 DỰ KIẾN THU T6+T7 : 130 cháu X 48.000đ x 2 tháng = 12.480.000 đ

DỰ KIẾN THU

T8/2025 190 cháu x 48,000đ 9.120.000 đ

1.2 DỰ KIẾN CHI 21.600.000 đ

TT	TÊN HÀNG HOÁ	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	Ghi chú
1	Xà phòng ô mô 380gr/gói	Gói	56	27.500	1.540.000	T6+7 : 6 lớp ; T8 : 13 lớp
2	Nước lau nhà Gift 1L	Lọ	60	39.600	2.376.000	T6+7 : 6 lớp ; T8 : 13 lớp
3	Nước tẩy VS Gift 600ml	Lọ	28	30.800	862.400	T6+7 : 6 lớp ; T8 : 13 lớp

4	Nước rửa bát Sunlight (3.8l)	Can	11	120.000	1.320.000	T6+7 : 6 lớp ; T8 : 13 lớp
5	Nước rửa tay lai boi 450ml	Chai	6	82.500	495.000	T6+7 : 6 lớp ; T8 : 13 lớp
6	Nước sạch (lấy theo tháng 5/2024)				2.239.776	Tính 1 tháng cho 3 tháng hè (điện, nước thiếu hỗ trợ từ nguồn NS,HP)
7	Ga (lấy theo tháng 5/2024)				9.024.960	
8	Điện (lấy theo tháng 5/2024)				5.667.592	
Tổng cộng					23.525.728	

2. TIỀN LAO CÔNG

2.1 DỰ KIẾN THU T6+7+8 : 450 cháu x 20.000 9.000.000 đ

2.2 DỰ KIẾN CHI

TT	TÊN HÀNG HOÁ	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	Ghi chú
1	Xà phòng ô mô 380gr/gói	Gói	56	27.500	1.540.000	T6+7 : 6 lớp ; T8 : 13 lớp
2	Xà phòng Lifeboy 90g	Bánh	56	16.500	924.000	T6+7 : 6 lớp ; T8 : 13 lớp
3	Giấy vệ sinh Việt Nhật	Bịch	56	40.000	2.240.000	T6+7 : 6 lớp ; T8 : 13 lớp
4	Lương LC	Tháng	3	3.000.000	9.000.000	T6+7 : 6 lớp ; T8 : 13 lớp
Tổng cộng					13.704.000	Số thiếu sử dụng tồn còn T5/2025

3. TIỀN ĐỒ DÙNG BÁN TRÚ

3.1 DỰ KIẾN THU : 20 cháu X 200.000Đ = 4.000.000đ

3.2 DỰ KIẾN CHI

TT	TÊN HÀNG HOÁ	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	Ghi chú
1	Gang tay cao su	Đôi	10	27.000	270.000	T6+7 : 6 lớp ; T8 : 13 lớp
2	Túi đựng rác	Kg	10	51.300	513.000	T6+7 : 6 lớp ; T8 : 13 lớp
3	Cây lau nhà	Cái	16	120.000	1.920.000	T6+7 : 6 lớp ; T8 : 13 lớp
4	Rác rửa bát, cọ xoong	Cái	11	5.400	59.400	T6+7 : 6 lớp ; T8 : 13 lớp
5	Băng dính giấy	Cuộn	10	15.000	150.000	T6+7 : 6 lớp ; T8 : 13 lớp
6	Gang tay ni non	Kg	2	75.600	151.200	T6+7 : 6 lớp ; T8 : 13 lớp
7	Nâng cấp PM DD	Chung	1	1.500.000	1.500.000	Năm 2025
Tổng cộng					4.563.600	Số thiếu sử dụng tồn còn T5/2025

4. TIỀN NƯỚC UỐNG :

4.1 DỰ KIẾN THU : 450 cháu X 5.000Đ = 2.250.000đ

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDDT ngày 12/05/2016 của Bộ Y tế - Bộ giáo dục và đào tạo : Trường học cung cấp đủ nước uống cho học sinh, tối thiểu 0,5 lít về mùa hè, 0,3 lít về mùa đông cho một học sinh trong một buổi học;

Dự kiến : 0,3 lít x 22 ngày x 450 trẻ = 1.980 lít/ 18,9L/ Bình = 168 bình/ tháng

Căn cứ theo các tháng thực tế đã sử dụng

4.2 DỰ KIẾN CHI

TT	TÊN HÀNG HOÁ	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	Ghi chú
1	Nước uống tinh khiết	Bình	168	17.600	2.956.800	Số thiếu sử dụng tồn còn T5/2025
Tổng cộng					2.956.800	

5. TIỀN ĂN : 22.000đ x 26 phiếu = 572.000đ

TT	KHỐI LỚP	CHÁU	SỐ THÁNG	MỨC THU	TỔNG THU	TỔNG CHI
1	KHỐI NT	25	3	572.000	42.900.000	42.900.000
2	KHỐI 3 TUỔI	40	3	572.000	68.640.000	68.640.000
3	KHỐI 4 TUỔI	65	3	572.000	111.540.000	111.540.000
4	KHỐI 5 TUỔI	60	1	572.000	34.320.000	34.320.000
Tổng cộng		190	10	2.288.000	257.400.000	257.400.000

6. TIỀN HỌC HÈ : 5.500đ/ giờ x 10h/ ngày x 26 ngày = 1.430.000đ/ tháng

ĐVT : nghìn đồng

6.1 Thu T6+7 = 1.430.000đ x 130 cháu = 185.900.000đ

Nộp % thuế TNDN

3.718.000đ

TT	DỰ KIẾN SỐ CHÁU	MỨC THU	TỔNG THU/ THÁNG	2% THUẾ DN	Dinh dưỡng 2 người	QL+GVNV : HS: 16,4 (HT: HS 1,2; PHT: 1,1 KT+GV :1,0)	Ghi chú
1	2	3	4=2*3	5=4*2%	6	7	8
1	130	1.430	185.900	3.718	12.000	10.377	
Tổng cộng		1.430	185.900	3.718	12.000	10.377	

6.2 Thu T8 = 1.430.000đ x 190 cháu = 271.700.000đ

Nộp % thuế TNDN

5.434.000đ

TT	DỰ KIẾN SỐ CHÁU	MỨC THU	TỔNG THU/ THÁNG	2% THUẾ DN	Dinh dưỡng 3 người	QL+GVNV : HS: 26,4 (HT: HS 1,2; PHT: 1,1 KT+GV :1,0)	Ghi chú
1	2	3	4=2*3	5=4*2%	6	7	8
1	190	1.430	271.700	5.434	18.000	9.404	
Tổng cộng		1.430	271.700	5.434	18.000	9.404	

IV .Tổng cộng thu bình quân/học sinh/tháng:

TT	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ TIỀN	Ghi chú
1	Tiền ăn	đồng/học sinh/tháng	572.000	
2	Tiền phụ phí	đồng/học sinh/tháng	48.000	
3	Tiền học hè	đồng/học sinh/tháng	1.430.000	
4	Tiền nước uống cho học sinh	đồng/học sinh/tháng	5.000	
5	Tiền vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh trong các cơ sở giáo dục	đồng/học sinh/tháng	20.000	
6	Tiền điện điều hòa phục vụ trực tiếp cho nhu cầu học sinh.	đồng/học sinh/tháng	Theo thực tế số điện năng sử dụng	
TỔNG CỘNG HỌC HÈ NT+MG			2.075.000đ	

IV. PHƯƠNG ÁN MỨC THU:

Trên cơ sở phương án thu chi trên nhà trường xây dựng phương án áp dụng cho tháng 06-8/2025

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hà

TRƯỜNG
HAI D